

## Prohlášení o vlastnostech

Číslo 2 850145 0 00000

- |    |   |   |
|----|---|---|
| 1. | <i>Identifikační číslo:</i>                               | <b>VARIANT VN /VX</b> (Způsob použití viz příloha)  |
| 2. | <i>Doporučení výrobce pro použití:</i>                    | Pro použití ve dveřích s požadavky týkající se protipožární protikouřové ochrany/nebo pro únikové a nouzové cesty |
| 3. | <i>Kontakt výrobce:</i>                                   | SIMONSWERK GmbH<br>Bosfelder Weg 5<br>33378 Rheda-Wiedenbrück<br>Deutschland                                      |
| 4. | <i>Kontakt zplnomocněnce:</i>                             | n. n.   |
| 5. | <i>Systém posuzování a ověřování stálosti vlastností:</i> | AVCP 1  |
| 6. | <i>Harmonizovaná norma:</i>                               | ift, Rosenheim / 0757-CPR-229IFT-7012742-12-8   |
| 7. | <i>Prohlášení o vlastnostech:</i>                         | DIN EN 1935:2002  |
| 8. | <i>Vlastnosti a charakteristiky v prohlášení:</i>         |   |


<i>Hlavní charakteristika</i>	<i>Vlastnost (i)</i>	<i>Harmonizovaná technická specifikace</i>
Požadavky „samouzavírací“:	splněno	DIN EN 1935 : 2002
Permanentní funkční účinnost	splněno Třída 7 – 200.000 cyklů	DIN EN 1935 : 2002
Nebezpečné látky:	Neobsahuje žádné nebezpečné látky ani nedochází k jejich uvolňování během použití.	

① klasifikační klíč jednotlivých závěsů viz příloha

9. Vlastnosti produktů v bodě 1 a 2 odpovídají deklarovaným vlastnostem v bodě 8

Toto prohlášení o vlastnostech se vydává na výhradní odpovědnost výrobce uvedeného v bodě 3 :

Rheda-Wiedenbrück, 28.08.2020



i. V. Wolfgang Landwehr, Leitung Anwendungstechnik

# Prohlášení o vlastnostech

Číslo 2 850145 0 00000

Příloha

## Klasifikační klíč

A23-07	4	7	6	1	1	*	1	13
A23-09	4	7	6	1	1	*	1	13
CO 7029 2D F Columbus	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7029 2D F Columbus 50,5	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7029 2D F Ultimate	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7029 2D F Ultimate MSTS	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7029 2D V Columbus	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7029 2D V Columbus 50,5	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7029 2D V Ultimate	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7029 2D V Ultimate MSTS	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7729 3D MSTS/V7601 Columbus R29-01	3	7	4	0	1	*	0	11
CO 7729 3D/V 7601 Columbus R29-01	3	7	4	0	1	*	0	11
E18-01 NM	4	7	7	1	1	*	1	14
E18-02 NM	4	7	7	1	1	*	1	14
F26-08	4	7	6	1	1	*	1	13
F26-08 VBR	4	7	7	1	1	*	1	14
G41-01	4	7	7	1	1	*	1	14
GK11-05 K	4	7	5	1	1	*	1	12
GK11-06	4	7	5	1	1	*	1	12
H36-08	4	7	6	1	1	*	1	13
H71-01	4	7	7	1	1	*	1	14
K49-03	4	7	7	1	1	*	1	14
P30-01	4	7	7	1	1	*	1	14
SCH27-45	4	7	7	1	1	*	1	14
SCH27-46	4	7	7	1	1	*	1	14
ST15-01	4	7	7	1	1	*	1	14
ST15-06	4	7	6	1	1	*	1	13
ST15-06/160	4	7	7	1	1	*	1	14
ST15-06/160 K	4	7	7	1	1	*	1	14
ST15-07	4	7	6	1	1	*	1	13
ST15-08	4	7	7	1	1	*	1	14
ST15-09	4	7	7	1	1	*	1	14
T32-01 MSTS	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT GK 11-04	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 1937/120 Compact Planum	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 1937/120 Compact Planum ZK	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 1937/160 Compact Planum	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 1939/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 1939/100 FD	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 1939/100 FD TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 1939/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 1939/100 TZ MSTS	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 1939/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 1939/120 MSTS	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 1939/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 1939/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 1939/160 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 1939/160 FD MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 1939/160 FD TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 1939/160 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 1939/160 MSTS RC	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 1939/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 1939/160 TZ MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2828/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2828/100 MSTS	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2828/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 2828/120 MSTS	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 2828/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 2828/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2828/160 Planum	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2828/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2927/120 Compact	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2927/120 Compact Planum	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 2927/120 Compact Planum ZK	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2927/160 Compact	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2927/160 Compact Planum	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 2927/160 Planum	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2929/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2929/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2929/100-67,5	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 2929/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 2929/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 2929/160	4	7	7	1	1	*	1	14

# Prohlášení o vlastnostech

Číslo 2 850145 0 00000

Příloha

## Klasifikační klíč

VARIANT VN 2929/160 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2929/160 Planum	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2929/160 Planum C19-01	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2929/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2929/160 TZ MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2929/160-4 K SCH34-21	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 2929/160-4/73 VBRplus	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3737/100 FD M 10x1 Compact	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3737/100 M 10x1 Compact	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3737/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3737/160 Compact	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 3738/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3738/160 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3738/160 FD S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3738/160 FD TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3738/160 S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3738/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3739/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3739/100 M10x1	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3739/100 NM M10x1	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3739/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3739/100 TZ M10x1	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3747/100 M 10x1 Compact	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3747/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3747/160 Compact	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 3748/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3748/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3749/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3749/100 M10x1	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3749/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3749/100 TZ M10x1	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3838/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3838/160 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3838/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3839/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3839/100 FD	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3839/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3848/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3848/160 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3848/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3849/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3938/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3938/160 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3938/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3939/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3939/100 FD	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3939/100 FD TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3939/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3948/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3948/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 3949/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 3949/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 5959/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 5959/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 5959/160 S28-01	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 5959/160-4 Eich	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 6729/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7728/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7728/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7729/100-15 L39-03	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 7729/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7729/120 NF142	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7729/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7729/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7729/160 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7729/160 NF142	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7729/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7729/160 TZ MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7729/160-4 NF142	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7748/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 7748/100 L39-05	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 7748/100 MSTs	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 7748/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12

# Prohlášení o vlastnostech

Číslo 2 850145 0 00000

## Příloha

### Klasifikační klíč

VARIANT VN 7859/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7859/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7938/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 7938/100 FD	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 7938/100 FD TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 7938/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 7939/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7939/120 MSTs NM	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7939/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7939/120 TZ MSTs	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 7939/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 D24-02	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 FD MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 FD S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 FD S MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 FD TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 NF142	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160 TZ MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160-18 T25-17	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7939/160-4 T25-16	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 7959/120 K P26-03	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 8849/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 8849/100 M	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 8849/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 8937/160 U	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8937/160 U Compact	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 8938/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8938/160 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8938/160 FD S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8938/160 FD TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8938/160 S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8938/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8938/160 U	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8939/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 8939/100 FD	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 8939/100 FD M	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 8939/100 M	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 8939/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VN 8947/160 U	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8947/160 U Compact	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VN 8948/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8948/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VN 8948/160 U	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 0039	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 0039 S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 0039 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 0049	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 0049 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 2929	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 3700	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 3700 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 3739	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 3739 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 3739 S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 3739 S MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 3900	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 7700	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 7900	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 7900 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 8900	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 8900 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 8939	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 8939 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 8939 S MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 8939 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 8939/160 Form	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VS 8949/160 Form	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VSX 7939/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VSX 7939/160 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14

# Prohlášení o vlastnostech

Číslo 2 850145 0 00000

## Příloha

### Klasifikační klíč

VARIANT VSX 7939/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VSX 7939/160 TZ MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7728/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7728/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7728/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7728/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7728/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7728/160 mit VX 7501 3D und VX 7560 RK	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7728/160 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7728/160 MSTS mit VX 7501 3D und VX 7560 RK	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7728/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7728/160 TZ MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7728/160-4MSTS FT41	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/100 D22	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/100 MSTS	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/100 VBR MSTS	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 BT	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 BT 5,5	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 H36-09	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 Hobo	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 MSTS	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 NT	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 Planet H36-06	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/120 WK	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7729/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 18-3	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/160 18-3 H36	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/160 18-3 TZ2FM	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/160 18-3 WK	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/160 K A30-01	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 L36-09	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 Planum	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7729/160 T25-18	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 TZ MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 VBR MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 VBR WK RC MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 WK MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160 ZK	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-18	4	7	7	0	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-18 MSTS	4	7	7	0	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-18 TZ	4	7	7	0	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 Bronze	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 HA MSTS	3	7	4	0	1	*	0	11
VARIANT VX 7729/160-4 HA MSTS A29-01 mit VX 75313D/VX 7561KK	3	7	4	0	1	*	0	11
VARIANT VX 7729/160-4 HA MSTS K51-02	3	7	4	0	1	*	0	11
VARIANT VX 7729/160-4 HA MSTS mit VX 7531 3D und VX 7561 KK	3	7	4	0	1	*	0	11
VARIANT VX 7729/160-4 HA MSTS mit VX 7531 3D und VX 7561 KR	3	7	4	0	1	*	0	11
VARIANT VX 7729/160-4 HA MSTS mit VX 7531 3D und VX 7561 RK	3	7	4	0	1	*	0	11
VARIANT VX 7729/160-4 HA MSTS mit VX 7531 3D und VX 7571 KR	3	7	4	0	1	*	0	11
VARIANT VX 7729/160-4 K57-01	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 RT + FT 20mm verbreitert	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 RT 70,0 - FT 76,5	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 TZ MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 TZ MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 TZ WK MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 VBR RC MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 VBR TZ WK MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 VBR WK MSTS NF	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 VBRplus	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4 VBRplus MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4/10 N	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7729/160-4/16 N	4	7	7	1	1	*	1	14

# Prohlášení o vlastnostech

Číslo 2 850145 0 00000

## Příloha

### Klasifikační klíč

VARIANT VX 7729/160-4/20 SCH26-07	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7739/160-4 PG1	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7749/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7749/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7749/160-4 40 Care	2	7	3	1	1	*	0	10
VARIANT VX 7749/160-4 45 Care	2	7	3	1	1	*	0	10
VARIANT VX 7749/160-4 65 Care	2	7	3	1	1	*	0	10
VARIANT VX 7749/160-4 70 Care	2	7	3	1	1	*	0	10
VARIANT VX 7859/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7859/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7859/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160 15/5	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160 FD 15/5	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160 FD K51-01	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160 FD MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160 FDMSTS15/5 mit VX 7531 3D und VX 7561KK-7	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 15/5	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 FD 15/5	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 FD 15/5 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 FD 15/5 MSTS m.VX75313D u. VX7561 KK-7	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 FD 18/12	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 FD K51-01/4	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 FD MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 FD MSTS D25-01	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 HA TZ2 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7859/160-4 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/100	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/100 18/5	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/100 18/5 FD	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/100 FD	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/100 FD MSTS	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/100 FD TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/100 TZ	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/120	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7939/120 MSTS	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7939/120 NT	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7939/120 S WK	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7939/120 TZ	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7939/120 TZ MSTS	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7939/120 WK	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7939/120 ZK	4	7	6	1	1	*	1	13
VARIANT VX 7939/160	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 15/4,5	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 18-3	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 18-3 FD	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 18-3 FD S WK	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 18-3 H36	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 18-3 S WK	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 18-3 TZ2FM	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 18-3 WK	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 18-3FD H36	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD 15/4,5	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD 18/5	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD 18/5 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD Planum	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 FD S	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD S MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD S WK MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD TZ MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD VBR MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD WK	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FD WK MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 FDMSTS15/5 mit VX 7531 3D und VX 7561 RK	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 MSTS	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 Planum	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160 S	4	7	7	1	1	*	1	14

# Prohlášení o vlastnostech

Číslo 2 850145 0 00000

Příloha

## Klasifikační klíč

VARIANT VX 7939/160 S MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 S WK	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 S WK MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 Soft	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 TZ MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 VBR MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 VBR S WK MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 WK MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 ZK	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160 ZK Planum	4	7	5	1	1	*	1	12
VARIANT VX 7939/160-18	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-18 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-18 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-18 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-30/4 N	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-30/4 VBR WK MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 Bronze	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 Bronze FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 FD	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 FD 18/12	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 FD VBR RC MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 FD VBR WK MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 FD VBRplus	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 FD VBRplus MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 TZ	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 VBR RC MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 VBRplus	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7939/160-4 VBRplus MSTs	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7959/160 FD L36-07	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX 7959/160 S28-02	4	7	7	1	1	*	1	14
VARIANT VX7749/160-4 50+65Care	2	7	3	1	1	*	0	10

\* = odolnost proti korozi je závislá na příslušné povrchové úpravě viz certifikát 0757-CPR-229IFT-7012742-12-8